

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CL
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HS-ST
Ngày: 25-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CL, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải;

Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng.

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CL tham gia Phiên tòa: Ông Ngô Quốc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020 và Quyết định Hoãn Phiên tòa số 46/2020/HSST- QĐ ngày 05-6-2010 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phan Ngọc P, sinh năm 1986, tại Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ T, khóm U, phường Q, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Cha: Phan Văn T và mẹ Nguyễn Thị L; Có 6 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất; Vợ: Phan Thị H, sinh năm 1989, Có 01 con, sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không.

Đặc điểm nhân thân:

+ Năm 2003: Bị UBND thành phố CL đưa vào Trường giáo dưỡng tại huyện B, tỉnh Long An thời hạn 18 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng.

+ Năm 2006: Bị UBND tỉnh Đồng Tháp đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc tại huyện G, tỉnh Trà V thời hạn 21 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng.

+ Năm 2013: Bị UBND tỉnh Đồng Tháp đưa vào Cơ sở giáo dục bắt buộc tại huyện G, tỉnh Trà V thời hạn 15 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra.

2. Họ và tên: Võ Phước V (R), sinh năm 1992, tại Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ I, ấp TH, xã T, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Võ Phước H và mẹ Nguyễn Thị U (đã chết); Có 2 anh em, bị cáo là con lớn nhất; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ

ngày 21/02/2020; Tạm giam ngày 24/02/2020.

Các bị cáo có mặt tại Pên tòa.

- Người bị hại:

1/ Trần Phú Q, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ I, ấp M, xã H, thành phố CL, Đồng Tháp.

2/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ Y, khóm R, phường Q, thành phố CL, Đồng Tháp.

3/ Trần Thị M, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ O, khóm E, phường Q, thành phố CL, Đồng Tháp.

4/ Dương Thị Lệ Hg, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: tổ J, tổ P, xã MN, thành phố CL, Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1/ Người làm chứng 1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ U, khóm W, phường Q, thành phố CL, Đồng Tháp.

2/ Người làm chứng 2, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ Y, khóm T, phường Q, thành phố CL, Đồng Tháp.

3/ Người làm chứng 3, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ S, ấp T, xã MH, huyện M, An Người làm chứng 7.

4/ Người làm chứng 4, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ U, khóm W, phường Q, thành phố CL, Đồng Tháp.

5/ Người làm chứng 5, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ J, tổ P, xã MN, thành phố CL, Đồng Tháp.

6/ Người làm chứng 6, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ J, tổ P, xã MN, thành phố CL, Đồng Tháp.

7/ Người làm chứng 7, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ R, tổ P, xã MN, thành phố CL, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Pên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 28/9/2019, Phan Ngọc P rủ Võ Phước V đi trộm mai cảnh bán lấy tiền tiêu xài, V đồng ý và nói với P ở gần khu vực chợ X thuộc ấp M, xã HA có vườn mai đẹp nên dùng xe gắn máy nhãn hiệu Dream, màu nâu, biển số 66PA – 035.15 của V chở P về nhà của V tại ấp TH, xã T, thành phố CL lấy một cây kiềm, cán bọc nhựa màu đỏ để vào túi quần rồi điều khiển xe chở P đến vườn cây cảnh của ông Trần Phú Q, sinh năm 1966 tại Tổ I, ấp M, xã HA, thành phố CL để trộm mai. V đậu xe bên ngoài cảnh giới và đưa cho P cây kiềm cắt hàng rào lưới B40 để vào trong vườn, dùng hai tay lắc gốc mai và nhổ được 04 cây mai bông vàng chuyển ra bên ngoài cho V lấy. V nhìn từ bên ngoài thấy

02 cây mai có dáng đẹp nên bảo P tiếp tục lấy trộm thêm 02 cây mai bông vàng nữa. V mang 04 cây mai trộm được giấu vào bụi cây Sã gần vườn mai rồi điều khiển xe gắn máy chở P phía sau cầm 02 cây mai đến nhà của Người làm chứng 1 sinh năm 1987 tại tổ U, khóm W, phường Q, thành phố CL để bán nhưng Người làm chứng 1 không mua. Cùng lúc này, có tiếng xe mô tô chạy đến V và P nghĩ Công an xã đang tuần tra nên chạy ra phía sau đồng trôn, bỏ lại 02 cây mai cùng xe gắn máy trước nhà Người làm chứng 1. Khoảng hơn 60 phút sau, V và P quay trở vào thì không thấy 02 cây mai nên V điều khiển xe gắn máy chở P quay lại vườn mai của ông Q lấy 02 cây mai trong số 04 cây mai giấu ở bụi cây Sã mang đến xã MN bán cho Người làm chứng 7 với giá 1.000.000đồng. Người làm chứng 7 đồng ý mua nhưng đưa trước cho V 150.000đồng. V và P bảo còn 02 cây nữa hỏi Người làm chứng 7 có mua không. Người làm chứng 7 đồng ý mua với giá 1.000.000đồng và hẹn sáng sẽ đến nhà V lấy mai. Các lần bán mai V và P không nói cho Người làm chứng 7 biết là mai trộm được. V tiếp tục chở P đến lấy 02 cây mai còn lại mang về nhà V tại xã T cất giấu. Đến khoảng 6 giờ 45 phút ngày 29/9/2019, Người làm chứng 7 đến nhà V đưa cho V 400.000đồng và hẹn 02 ngày sau sẽ thanh toán đủ số tiền mua mai, V đưa cho P 200.000đồng. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, Người làm chứng 7 điện thoại nhờ V mang 02 cây mai đến nhà của Người làm chứng 7 tại xã MN. V đồng ý và mang 02 cây mai đến nhà Người làm chứng 7 giao cho Người làm chứng 7. Đến ngày 30/9/2019, hành vi phạm tội của V và P bị phát hiện xử lý.

Trong quá trình điều tra, Người làm chứng 7 tự nguyện giao nộp 01 cây mai chiều cao 90cm, hoành 21cm, táng nhánh 65cm và 01 cây mai chiều cao 85cm, hoành 40cm, táng nhánh 70cm là 02 cây mai Người làm chứng 7 mua lại của V. Phạm Thùy Dg, sinh năm 1997 là vợ của Người làm chứng 7 tự nguyện giao nộp 01 cây mai cao 1,2m, hoành 35cm có lá màu xanh là Người làm chứng 7 mua của V; 01 cây mai cao 83cm, không có lá là của Người làm chứng 3 gửi Người làm chứng 7 chăm sóc và 01 cây mai cao 54cm, không có lá là 01 trong 03 cây mai mà ông Nguyễn Văn Th bị mất trộm vào ngày 27/9/2019. Vụ việc ông Th bị mất trộm đã trình báo Công an xã MN. Trong số 04 cây mai P và V bán cho Người làm chứng 7, Cơ quan điều tra chỉ thu hồi được 03 cây, còn lại 01 cây chưa xác định được Người làm chứng 7 đã bán cho ai. Hiện nay Người làm chứng 7 và Dg đã bỏ đi khỏi địa phương nên chưa làm việc được để xác định người bán 01 cây mai của ông Th cho Người làm chứng 7 và Người làm chứng 7 bán 01 cây mai của ông Q cho ai.

Đối với 02 cây mai V và P bỏ lại ở trước nhà của Người làm chứng 1, nghĩ V và P không lấy nên Người làm chứng 1 mang cho Người làm chứng 2 01 cây có chiều cao 95cm, hoành 41cm và Người làm chứng 3 01 cây cao 52cm, hoành 45cm. Người làm chứng 2 và Người làm chứng 3 đã tự nguyện giao nộp 02 cây mai cho Cơ quan điều tra xử lý.

Tại Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 156/KL-ĐGTS ngày 08/10/2019 kết luận:

- 01 cây cảnh (cây mai vàng) có chiều cao 52cm, thân có chu vi (hoành) 45cm, chưa có cành, có giá 4.000.000đồng;

- 01 cây cảnh (cây mai vàng) có chiều cao 1,2m, thân có chu vi (hoành) 35cm, có hình dạng hình quai, có giá 4.000.000đồng;
 - 01 cây cảnh (cây mai vàng) có chiều cao 95cm, thân có chu vi (hoành) 41cm, loại mai xù, có giá 10.000.000đồng;
 - 01 cây cảnh (cây mai vàng) có chiều cao 90cm, thân có chu vi (hoành) 21cm, tàng nhánh 65cm, có dạng hình thú, có giá 3.000.000đồng;
 - 01 cây cảnh (cây mai vàng) có chiều cao 85cm, thân có chu vi (hoành) 40cm, tàng nhánh 70cm, có giá 3.000.000đồng;
 - 01 cây cảnh (cây mai vàng) có chiều cao 40cm, thân có chu vi (hoành) 20cm, dạng bon sai, có giá 300.000đồng;
- Tổng giá trị là 24.300.000đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại cho ông Q 05 cây mai, ông Q không yêu cầu P và V bồi thường đối với 01 cây mai chưa thu hồi được. Trả lại cho ông Th 01 cây mai đang thu giữ, ông Th yêu cầu Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra để thu hồi trả lại cho ông 02 cây mai còn lại. Trả lại cho Người làm chứng 3 01 cây mai là tài sản của Người làm chứng 3 không liên quan đến vụ án.

Đối với cây kiềng, cán bọc nhựa màu đỏ, trong lúc V chở P đi bán mai đã làm rơi mất và không xác định được địa điểm đánh rơi nên không thu hồi được.

Đối với xe gắn máy biển số 66PA – 035.15, V mua lại của người em họ tên Võ Phước Lp, sinh năm 1994, ngụ Tổ I, ấp TH, xã T, thành phố CL là xe biển số giả. Hiện nay, V đã bán xe cho người thanh niên không rõ họ tên, địa chỉ được 2.000.000đồng và số tiền này V đã tiêu xài hết nên không thu hồi được xe để xử lý.

Ngoài ra, qua quá trình điều tra, P còn khai nhận thêm những vụ trộm cắp tài sản khác như sau:

Vụ thứ nhất: Vào đầu tháng 09/2019, lợi dụng lúc trời tối, P lấy trộm một cây mai bông vàng có chiều cao 1,7m, hoành 19cm, tàng nhánh 90cm của bà Trần Thị M sinh năm 1972 để phía trước nhà tại tổ O, khóm E, phường Q, thành phố CL. Sau đó, P mang cây mai trộm được đến nhà của Người làm chứng 1 tại phường Q, thành phố CL nói dối là cây mai của nhà P nhờ Người làm chứng 1 bán giùm nhưng do trời tối nên Người làm chứng 1 không đồng ý. P gọi lại cây mai tại nhà Người làm chứng 1. Đến sáng hôm sau, P tiếp tục đến nhà Người làm chứng 1 nhờ Người làm chứng 1 bán mai. Người làm chứng 1 cùng P mang cây mai đến nhà ông Lê Văn G sinh năm 1973, tại tổ A, khóm B, phường Q, thành phố CL bán với giá 500.000đồng, P cho Người làm chứng 1 250.000đồng. Ngày 30/9/2019, bà Nguyễn Thị Tuyết M là vợ của ông G biết được cây mai P bán là do trộm cắp mà có nên đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra và không yêu cầu P và Người làm chứng 1 trả lại số tiền 500.000đồng đã mua cây mai. Cơ quan điều tra đã trả lại cây mai cho bà M, bà M không yêu cầu gì thêm.

Tại Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 157/KL-ĐGTS ngày 08/10/2019 kết luận: 01 cây mai cảnh có chiều cao 1,7m, thân có chu vi (hoành) 19cm, có tàng nhánh 90cm có giá là 1.000.000đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 17/9/2019, sau khi nhậu xong, Phan Ngọc P nhờ bạn (chưa rõ họ tên, địa chỉ) chở đến UBND xã MN rồi đi bộ đến nhà của Võ Hoàng D là bạn của P tại tổ P, xã MN để ngủ nhờ. Khi đi bộ đến nhà chị Dương Thị Lệ Hg, P phát hiện những cây mai bông vàng trồng trước nhà không có hàng rào và không người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, bẻ gãy lấy tiền tiêu xài.

P lén lút đi vào dùng tay nhỏ cây mai bông vàng, thân cao 55cm, bề hoành 20cm, chiều cao từ rễ đến tán lá cây cao 140cm, hình mẫu tử ở phía ngoài trước rồi nhỏ tiếp cây mai bông vàng, thân cao 50cm, bề hoành 30cm, chiều cao từ rễ đến tán lá cây cao 160cm, hình thẳng đứng ở phía trong. Sau đó, P mang 02 cây mai đến nhà của D thì gặp Người làm chứng 6 là mẹ của D đang tập thể dục hỏi gọi lại. Người làm chứng 6 hỏi “cây mai của ai?” P nói dối là cây mai của nhà P. Người làm chứng 6 không đồng ý nhưng P vẫn kéo vào để bên hông nhà rồi gặp D nói dối là cây mai của nhà, xin gọi nhờ đến trưa hôm sau sẽ vào lấy mang về rồi bỏ đi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, không thấy P đến lấy 02 cây mai nên D đến Công an xã MN trình báo và giao nộp 02 cây mai.

Tiếp nhận vụ việc, Công an xã MN tiến hành truy xét và mời P làm việc. Qua làm việc, P thừa nhận hành vi trộm cắp hai cây mai của chị Hg. Công an xã MN tiến hành trao trả 02 cây mai cho chị Hg quản lý, chăm sóc và chuyển hồ sơ đến Công an TP. Cao Lãnh giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 30/10/2019, Cơ quan điều tra tiến hành trưng cầu định giá 02 cây mai. Tại Kết luận định giá tài sản số 176/KL-ĐGTS ngày 05/11/2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng Hình sự kết luận:

- 01 cây mai bông vàng, thân cao 55cm, bề hoành 20cm, chiều cao từ rễ đến tán lá cây cao 140cm, hình mẫu tử có giá 2.500.000đồng.

- 01 cây mai bông vàng, thân cao 50cm, bề hoành 30cm, chiều cao từ rễ đến tán lá cây cao 160cm, hình thẳng đứng có giá 2.500.000đồng.

Tổng giá trị tài sản: 5.000.000đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 01 giờ 10 phút ngày 28/9/2019, P đi bộ một mình tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà ông Nguyễn Văn T tại tổ Y, khóm Q, phường Q, thành phố CL, P phát hiện trong sân nhà của ông T có nhiều cây mai cảnh, không người trông coi nên P lén lút trèo qua hàng rào nhà ông T lấy trộm 03 cây mai cảnh để trong chậu ở trước sân rồi mang về cất giấu trong vườn nhà.

Qua truy xét, Phan Ngọc P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 03 cây mai nêu trên để trả lại cho ông T. Ông T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 155/KL-ĐGTS ngày 08/10/2019 kết luận:

- 01 cây mai vàng có chiều cao 1,1m, thân có chu vi (hoành) 22cm, có hình dạng quái, chưa có lá, có giá 7.000.000đồng.

- 01 cây mai vàng có chiều cao 33cm, thân có chu vi (hoành) 31cm, có hình dạng hồ lô, không lá, có giá 2.000.000đồng

- 01 cây mai vàng có chiều cao 49cm, thân có chu vi (hoành) 34cm, có hình dạng con kỳ lân, có giá 3.000.000đồng

Tổng giá trị tài sản là 12.000.000đồng.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của người bị hại Trần Phú Q, Trần Thị M, Dương Thị Lệ Hg, Nguyễn Văn T, lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Văn Th, người làm chứng: Người làm chứng 1, Người làm chứng 6, Võ Hoàng D, Người làm chứng 7, Người làm chứng 2, Người làm chứng 3 cùng với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số: 32/CT-VKSND-TPCL ngày 22 tháng 4 năm 2020, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố CL đã truy tố các bị cáo Phan Ngọc P và Võ Phước V, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Pên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CL giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị như sau:

Tuyên bố bị cáo Phan Ngọc P và Võ Phước V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Ngọc P với mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Phước V với mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: như phần quyết định của cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu.

Tại Pên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Phan Ngọc P không phát biểu lời nói sau cùng, bị cáo Võ Phước V xin xem xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Pên tòa, nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Pên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp pháp luật.

[2] Những chứng cứ xác định có tội, cấu thành tội phạm và điều luật áp dụng:

Đây là vụ án “Trộm cắp tài sản” do Phan Ngọc P và Võ Phước V thực hiện. Khoảng 23 giờ ngày 28/9/2019, lợi dụng lúc đêm tối, Võ Phước V sử dụng xe gắn máy biển số 66PA – 035.15 chở Phan Ngọc P đến vườn mai của ông Trần Phú Q tại Tổ I, ấp M, xã HA, thành phố CL, V đứng bên ngoài cảnh giới để P sử dụng kiềm V mang theo sẵn cắt lưới B40 đột nhập vào lấy trộm 06 cây mai bông vàng cảnh trị giá 24.300.000đồng. Ngoài ra, trong tháng 09/2019, P còn lấy trộm của bà Trần Thị M 01 cây mai trị giá 1.000.000đồng, chị Dương Thị Lệ Hg 02 cây mai trị giá 5.000.000đồng và ông Nguyễn Văn T 03 cây mai trị giá 12.000.000đồng. Tổng giá trị tài sản của bà M, chị Hg và ông T bị P chiếm đoạt là 18.000.000đồng. Như vậy, các lần P tham gia lấy trộm tổng cộng: 42.300.000đồng.

Lời khai nhận của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Trong phần tranh luận tại Pên tòa, lời luận tội của Kiểm sát viên tham gia Pên tòa cho rằng các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” như Cáo trạng đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ. Các bị cáo thừa nhận lời luận tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, mức độ và hành vi của các bị cáo gây ra.

Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của các bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

Từ những cơ sở trên kết luận các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2...

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, P là người rủ cũng là người thực hiện hành vi lấy trộm nên P chịu trách nhiệm chính trong vụ án ở lần P và V tham gia lấy trộm, còn V là người chuẩn bị công cụ, phương tiện cảnh giới cho đồng phạm lấy trộm và mang tài sản trộm đi cất giấu nên V là đồng phạm với vai trò giúp sức.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Do đó, cần phải áp dụng cho các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có thời gian học tập, cải tạo, trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội sau này. Đồng thời, cũng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Tình tiết tăng nặng: Đối với bị cáo Phan Ngọc P, ngoài lần thực hiện hành vi trộm cùng với V, P còn một mình thực hiện thêm 03 vụ trộm cắp tài sản khác nhưng trong đó có 02 vụ tài sản bị chiếm đoạt có giá trị trên 2.000.000 đồng nên P đã phạm tội hai lần trở lên. Đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Phan Ngọc P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Võ Phước V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản đã thu hồi và trả lại cho bị hại xong. Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[5] Về đề nghị của Viện kiểm sát:

Viện kiểm sát đề nghị về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với Người làm chứng 7, theo V và P trình bày khi bán mai cho Người làm chứng 7 không nói là mai do trộm mà có, đồng thời hiện nay Người làm chứng 7 đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nên chưa làm việc được, khi nào làm việc được nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Võ Phước Lp sử dụng xe gắn máy biển số giả sau đó chuyển nhượng lại cho V, Cơ quan điều tra tiến hành mời Lập làm việc để xác định nguồn gốc xe nhưng hiện nay Lập đã bỏ đi khỏi địa phương nên chưa làm việc được, khi nào làm việc được nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với 03 cây mai ông Nguyễn Văn Th mất trộm, xác định không liên quan đến vụ án này nên tách ra và sẽ tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp.

[7] Về án phí: Các bị cáo Phan Ngọc P và Võ Phước V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phan Ngọc P và Võ Phước V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Ngọc P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ bắt bị cáo đi chấp hành án.

2/ Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Phước V 01 (một) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 21-02-2020.

* Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi và trả lại cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Các bị cáo Phan Ngọc P và Võ Phước V mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng bị hại vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TPCL;
- VKDND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công an TPCL;
- CQTHAHS Công an TPCL;
- Trại tạm giam CA tỉnh ĐT;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Minh Tng